

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN/HN)	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN/HN)	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN/HN)	7
Thuyết minh cho báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN/HN)	8

2. M. /

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp

Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 30 ngày 11 tháng 01 năm 2024.

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch
Ông Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên
Ông Kim Min Soo	Thành viên
	(bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
	(từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên
	(bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên
	(từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc
	(bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc
	(từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc Đầu tư
	(bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2023)
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc Tài chính
	(bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc Chiến lược
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc Tài chính
	(từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2023)
Bà Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc Điều hành
	(từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc Công nghệ
	(từ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2023)

Người đại diện theo pháp luật

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc

Ông Chế Đoàn Viên được bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền kí báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 và các văn bản giải trình liên quan theo Giấy Ủy Quyền số 35-2401-UQ-YEG có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2024

Trụ sở chính

Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 3 đến trang 46. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 30 tháng 01 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		540.312.060.936	291.336.732.031
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.198.352.979	17.365.013.108
111	Tiền		2.198.352.979	17.365.013.108
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		4.430.000.000	50.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		4.430.000.000	50.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		512.832.386.386	272.339.132.314
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	114.181.855.288	27.748.139.261
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.549.093.165	156.181.002
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	6(a)	273.480.343.321	173.136.646.038
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	143.486.919.341	91.598.166.013
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(20.865.824.729)	(20.300.000.000)
140	Hàng tồn kho		18.471.428.571	-
141	Hàng tồn kho		18.471.428.571	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		2.379.893.000	1.582.586.609
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	1.690.952.748	1.582.586.609
152	Thuế GTGT được khấu trừ	14	34.516.129	-
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		654.424.123	-

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.427.590.616.625	1.003.844.072.670
210	Các khoản phải thu dài hạn		224.551.621.458	220.139.444.500
215	Phải thu về cho vay dài hạn	6(b)	18.170.688.358	119.000.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	206.380.933.100	101.139.444.500
220	Tài sản cố định		78.555.578.857	2.108.361.872
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	181.819.198	293.235.502
222	Nguyên giá		1.833.778.240	1.833.778.240
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.651.959.042)	(1.540.542.738)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	78.373.759.659	1.815.126.370
228	Nguyên giá		85.512.962.231	2.524.382.154
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(7.139.202.572)	(709.255.784)
240	Tài sản dở dang dài hạn		5.000.000.000	5.000.000.000
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.000.000.000	5.000.000.000
250	Đầu tư tài chính dài hạn		1.118.691.362.205	774.002.931.326
251	Đầu tư vào công ty con	4(a)	1.378.837.412.233	1.206.677.412.233
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	231.761.250.000	-
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	17.715.625.000	17.715.625.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4	(509.622.925.028)	(450.390.105.907)
260	Tài sản dài hạn khác		792.054.105	2.593.334.972
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	792.054.105	2.593.334.972
270	TỔNG TÀI SẢN		1.967.902.677.561	1.295.180.804.701

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		279.708.349.012	113.841.039.853
310	Nợ ngắn hạn		232.208.349.012	113.841.039.853
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	67.795.676.253	1.426.835.606
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	24.616.965.143	-
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.245.538.483	3.441.434.852
314	Phải trả người lao động		1.529.148.037	1.525.057.726
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	5.293.542.710	3.414.710.929
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	59.850.735.069	60.822.591.340
320	Vay ngắn hạn	17	69.876.743.317	43.210.409.400
330	Nợ ngắn hạn		47.500.000.000	-
338	Vay dài hạn	17	47.500.000.000	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.688.194.328.549	1.181.339.764.848
410	Vốn chủ sở hữu		1.688.194.328.549	1.181.339.764.848
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18,19	762.799.680.000	312.799.680.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		762.799.680.000	312.799.680.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	550.873.478.254	550.873.478.254
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	19	374.521.170.295	317.666.606.594
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		317.666.606.594	308.003.499.267
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		56.854.563.701	9.663.107.327
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.967.902.677.561	1.295.180.804.701


 Lưu Anh Khoa
 Người lập


 Nguyễn Thị Khánh Trang
 Kế toán trưởng


 Chế Đoàn Viên
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 01 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

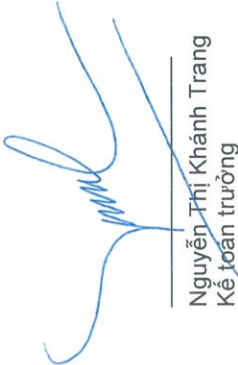
Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2023	31.12.2022	31.12.2023	31.12.2022
		VND	VND	VND	VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	132.640.291.135	24.573.235.067	178.428.764.217	42.893.398.706
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	132.640.291.135	24.573.235.067	178.428.764.217	42.893.398.706
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(44.065.968.897)	(21.109.715.093)	(77.862.999.760)	(30.332.433.385)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	88.574.322.238	3.463.519.974	100.565.764.457	12.560.965.321
21	Doanh thu hoạt động tài chính	11.026.116.684	21.452.875.296	55.256.618.678	28.257.430.684
22	Chi phí tài chính	(61.897.523.078)	(7.516.262.262)	(77.267.715.010)	(7.297.483.988)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(2.664.564.464)	(1.787.968.423)	(18.034.756.396)	(1.569.190.149)
25	Chi phí bán hàng	-	-	-	(52.269.317)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(9.138.853.219)	1.299.809.299	(21.635.582.223)	(13.702.766.739)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	28.564.062.625	18.699.942.307	56.919.085.902	19.765.875.961
31	Thu nhập khác	-	2.032.336.043	-	2.825.258.596
32	Chi phí khác	(54.116.168)	(12.621.789.856)	(64.522.201)	(12.928.027.230)
40	Lỗ khác	(54.116.168)	(10.589.453.813)	(64.522.201)	(10.102.768.634)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2023	31.12.2022	31.12.2023	31.12.2022
		VND	VND	VND	VND
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.509.946.457	8.110.488.494	56.854.563.701	9.663.107.327
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	-	-	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.509.946.457	8.110.488.494	56.854.563.701	9.663.107.327




Lưu Anh Khoa
Người lập


Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng


Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 01 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 46 là một phần cấu thành của báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	56.854.563.701	9.663.107.327
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại	184.826.511	210.726.145
03	Các khoản dự phòng	59.798.643.850	5.928.293.839
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(23.139.069.269)	(30.553.780.048)
06	Chi phí lãi vay	18.034.756.396	1.569.190.149
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	111.733.721.189	(13.182.462.588)
09	Tăng các khoản phải thu	(198.623.137.869)	(49.590.006.110)
10	Tăng hàng tồn kho	(18.471.428.571)	-
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	6.219.391.348	(43.162.851.344)
12	Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	1.692.914.728	(1.473.765.360)
14	Tiền lãi vay đã trả	(13.328.415.998)	(406.534.355)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(10.423.299)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(110.776.955.173)	(107.826.043.056)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	-	(35.909.091)
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	(176.817.714.853)	(320.287.581.035)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	212.471.403.459	345.171.745.521
25	Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	(513.071.250.000)	(150.964.984.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.983.200.000	189.210.452.833
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	34.878.322.521	30.834.714.956
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(428.556.038.873)	93.928.439.184
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	450.000.000.000	-
33	Tiền thu từ vay	415.218.725.134	53.189.675.636
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(341.052.391.217)	(22.564.368.119)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	524.166.333.917	30.625.307.517
Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ			
50		(15.166.660.129)	16.727.703.645
60	Tiền và đương tương tiền đầu kỳ	3	17.365.013.108
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	2.198.352.979
			17.365.013.108

 Lưu Anh Khoa
 Người lập

 Nguyễn Thị Khánh Trang
 Kế toán trưởng

 Chế Đoàn Viên
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 01 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 30 ngày 11 tháng 01 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán – Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là YEG.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là truyền thông giải trí và quản lý.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm hoạt động tư vấn quản lý; quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 88 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 58 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 15 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 10 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp) được trình bày trong thuyết minh 4 – Đầu tư tài chính

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Đầu tư tài chính**(a) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán khi đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.8 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	10% – 20%/năm
Phương tiện vận tải	10% – 33%/năm
Thiết bị quản lý	33%/năm
Bản quyền chương trình	10% – 20%/năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%/năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ bên liên quan và các cá nhân.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập nhưng chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.18 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và chi phí lãi vay.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.24 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 4);
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 8); và

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Tiền mặt	-	56.601.896
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.198.352.979	17.308.411.212
TỔNG CỘNG	2.198.352.979	17.365.013.108

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư vào công ty con

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	31.12.2023			31.12.2021				
				Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình truyền hình	99,00	29.700.000.000	(*)	29.700.000.000	99,00	29.700.000.000	(*)	29.700.000.000
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất phim	99,98	399.900.000.000	(*)	399.900.000.000	99,98	399.900.000.000	(*)	383.785.632.263
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại sứ trẻ	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	67,00	6.300.000.000	(*)	6.300.000.000	67,00	6.300.000.000	(*)	6.300.000.000
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1	TP. Hồ Chí Minh	Các hoạt động sáng tạo, nghệ thuật và giải trí	99,98	588.167.412.233	(*)	588.167.412.233	99,98	588.167.412.233	(*)	-
5	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thẩm dò dư luận	99,89	79.910.000.000	(*)	32.352.924.293	90,00	79.910.000.000	(*)	-
6	Công ty Cổ phần YAG Entertainment	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động chiếu phim, hậu kỳ, xuất bản âm nhạc	99,70	15.640.000.000	(*)	15.640.000.000	99,70	15.640.000.000	(*)	15.640.000.000
7	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV Việt Nam	TP. Hà Nội	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00	76.500.000.000	(*)	-	-	76.500.000.000	(*)	-
8	Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động chiếu phim, hậu kỳ, xuất bản âm nhạc	70,00	10.538.000.000	(*)	7.493.872.063	70,00	10.538.000.000	(*)	5.348.848.644
9	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	50,98	12.000.000	(*)	-	50,98	12.000.000	(*)	-
10	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Tỉnh Bến Tre	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00	10.000.000	(*)	-	51,00	10.000.000	(*)	-
11	Công ty TNHH 1Production	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00	139.000.000.000	(*)	-	-	-	(*)	-
12	Công ty TNHH Yeah1 Up	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,99	23.000.000.000	(*)	8.620.503.672	-	-	(*)	-
13	Công ty TNHH STV/Production	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00	10.000.000.000	(*)	-	-	-	(*)	-
14	Công ty TNHH Adlink Network	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	100,00	40.000.000	(*)	-	-	-	(*)	-
15	Công ty TNHH 1Talent	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	100,00	120.000.000	(*)	-	-	-	(*)	-
				1.378.837.412.233			500.007.300.028	1.206.677.412.233		440.774.480.907	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty có các công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	31.12.2023		31.12.2022	
				Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
1	Công ty Cổ phần Gigagoods	TP. Hồ Chí Minh	Bán lẻ	50,99	51,00	50,99	51,00
2	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	58,99	59,00	58,99	59,00
3	Công ty TNHH MTV Style TV	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00	100,00	51,00	100,00

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Tại ngày 31.12.2023					Tại ngày 31.12.2022				
	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1 Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital (*)	35,00	35,00	128.756.250.000	(**)	-	-	-	-	-	-
2 Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam (*)	35,00	35,00	103.005.000.000	(**)	-	-	-	-	-	-
			<u>231.761.250.000</u>							

(*) Trong tháng 2 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua 35% số cổ phần tại Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital và Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam với số tiền chuyển nhượng lần lượt là 128.756.250.000 đồng và 103.005.000.000 đồng, qua đó hai công ty này trở thành công ty liên kết của Tập đoàn.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

	TÊN CÔNG TY	Hoạt động chính	31.12.2023				31.12.2022					
			Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Gamify Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000
2	Công ty cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC	Cổng thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000
3	Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	1.757.625.000	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	1.757.625.000
4	Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	18,00	18,00	8.100.000.000	(*)	-	18,00	18,00	8.100.000.000	(*)	-
			17.715.625.000				9.615.625.000	17.715.625.000				9.615.625.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Bên thứ ba	27.643.410.491	7.479.354.280
<i>Công ty Cổ phần Ban Media</i>	22.854.759.622	-
<i>Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending</i>	2.490.070.000	-
<i>Khác</i>	2.298.580.869	7.479.354.280
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	86.538.444.797	20.268.784.981
TỔNG CỘNG	114.181.855.288	27.748.139.261

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khách hàng quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6 PHẢI THU VỀ CHO VAY**(a) Ngắn hạn**

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Bên thứ ba	193.518.007.321	99.304.297.479
<i>Công ty Cổ phần Vital Investment Group</i>	119.000.000.000	-
<i>Ông Trần Minh Việt</i>	45.960.311.001	76.540.600.000
<i>Công ty Cổ phần Truyền thông Power</i>	9.090.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending</i>	6.316.138.099	6.316.138.099
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến</i>	4.674.300.000	3.064.300.000
<i>Khác</i>	8.477.258.221	13.383.259.380
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	79.962.336.000	73.832.348.559
TỔNG CỘNG	273.480.343.321	173.136.646.038
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 11)	(149.824.729)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	273.330.518.592	173.136.646.038

(b) Dài hạn

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Bên thứ ba	-	119.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Vital Investment Group</i>	-	119.000.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	18.170.688.358	-
TỔNG CỘNG	18.170.688.358	119.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải thu về cho vay nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7 PHẢI THU KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Tạm ứng cho nhân viên	66.602.090.993	30.220.039.367
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	52.959.507.371	19.600.000.000
Phải thu lãi cho vay	21.999.487.777	8.709.025.678
Đặt cọc	1.512.711.125	1.477.711.125
Phải thu cổ tức	2.625.551	16.999.811.111
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp	-	13.983.200.000
Khác	410.496.524	608.378.732
TỔNG CỘNG	143.486.919.341	91.598.166.013
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8)	(20.716.000.000)	(20.300.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	122.770.919.341	71.298.166.013
Trong đó:		
Bên thứ ba	108.482.423.651	64.325.425.965
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	35.004.495.690	27.272.740.048

(b) Dài hạn

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	199.875.000.000	100.565.000.000
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	6.505.933.100	574.444.500
TỔNG CỘNG	206.380.933.100	101.139.444.500

(*) Số dư thể hiện khoản tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh về dự án đầu tư các start-up. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng, dự án vẫn đang trong quá trình triển khai.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

8 NỢ KHÓ ĐÒI

	31.12.2023		31.12.2022			
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	149.824.729	-	(149.824.729)	-	-	-
Công ty TNHH Yeah1 Vision	149.824.729	-	(149.824.729)	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	20.740.000.000	24.000.000	(20.716.000.000)	20.600.000.000	300.000.000	(20.300.000.000)
Công ty TNHH Tân An Đồng Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển UP	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	1.000.000.000	300.000.000	(700.000.000)
Khác	140.000.000	24.000.000	(116.000.000)	-	-	-
TỔNG CỘNG	20.889.824.729	24.000.000	(20.865.824.729)	20.600.000.000	300.000.000	(20.300.000.000)

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Ngắn hạn**

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chi phí dịch vụ trả trước	1.650.262.029	1.159.452.787
Công cụ, dụng cụ	40.690.719	423.133.822
TỔNG CỘNG	1.690.952.748	1.582.586.609

(b) Dài hạn

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chi phí dịch vụ trả trước	675.079.916	2.154.680.111
Công cụ, dụng cụ	116.974.189	438.654.861
TỔNG CỘNG	792.054.105	2.593.334.972

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) TSCĐ hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	1.833.778.240	1.833.778.240
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.833.778.240	1.833.778.240
Giá trị khấu hao lũy kế		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	(1.540.542.738)	(1.540.542.738)
Khấu hao trong năm	(111.416.304)	(111.416.304)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	(1.651.959.042)	(1.651.959.042)
Giá trị còn lại		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	293.235.502	293.235.502
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	181.819.198	181.819.198



10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

	Bản quyền chương trình VND	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	-	2.524.382.154	-	2.524.382.154
Mua trong năm	82.828.580.077		160.000.000	82.988.580.077
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	82.828.580.077	2.524.382.154	160.000.000	85.512.962.231
Giá trị khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	-	(709.255.784)	-	(709.255.784)
Khấu hao trong năm	(6.356.744.916)	(59.868.537)	(13.333.335)	(6.429.946.788)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	(6.356.744.916)	(769.124.321)	(13.333.335)	(7.139.202.572)
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	-	1.815.126.370	-	1.815.126.370
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	76.471.835.161	1.755.257.833	146.666.665	78.373.759.659

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	5.000.000.000	5.000.000.000
TỔNG CỘNG	5.000.000.000	5.000.000.000

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Số dư đầu năm	5.000.000.000	5.086.363.636
Kết chuyển vào giá vốn hàng bán	-	(86.363.636)
Số dư cuối năm	5.000.000.000	5.000.000.000

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Bên thứ ba	4.263.249.709	1.421.775.606
<i>Công ty TNHH Bình Dương Supplier</i>	1.555.200.000	-
<i>Công ty TNHH PwC (Việt Nam)</i>	713.923.280	446.924.960
<i>Công ty TNHH Joon Solutions</i>	251.848.331	-
<i>Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC</i>	170.785.706	174.090.520
<i>Khác</i>	1.571.492.392	800.760.126
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	63.532.426.544	5.060.000
TỔNG CỘNG	67.795.676.253	1.426.835.606

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Bên liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital</i>	21.310.867.823	-
<i>Công ty TNHH Big Cat</i>	3.306.097.320	-
TỔNG CỘNG	24.616.965.143	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
(a) Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	-	10.982.262.882	(10.947.746.753)	34.516.129
Thuế khác	-	654.424.123	-	654.424.123
TỔNG CỘNG	-	11.636.687.005	(10.947.746.753)	688.940.252
(b) Phải nộp				
Thuế GTGT	863.341.881	13.418.202.035	(14.281.543.916)	-
Thuế thu nhập cá nhân	513.847.334	4.234.355.970	(4.453.815.747)	294.387.557
Thuế khác	2.064.245.637	894.517.588	(7.612.299)	2.951.150.926
TỔNG CỘNG	3.441.434.852	18.547.075.593	(18.742.971.962)	3.245.538.483

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Lương và thưởng nhân viên	2.760.000.000	1.108.560.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.294.950.929	519.010.910
Chi phí lãi vay	238.591.781	1.787.140.019
TỔNG CỘNG	5.293.542.710	3.414.710.929
Trong đó:		
Bên thứ ba	3.279.010.910	1.627.570.910
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	2.014.531.800	1.787.140.019

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Phải trả từ chuyển nhượng vốn góp	36.500.000.000	56.500.000.000
Phải trả về hợp đồng hợp tác kinh doanh	15.082.248.199	-
Lãi vay	4.677.816.755	1.162.655.794
Khác	3.590.670.115	3.159.935.546
TỔNG CỘNG	59.850.735.069	60.822.591.340
Trong đó:		
Bên thứ ba	41.847.300.153	60.743.351.304
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	18.003.434.916	79.240.036

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn không có khoản phải trả khác ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

17	VAY		Tại ngày 1.1.2023 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
(a)	Ngắn hạn					
		Vay bên thứ ba				
		Công ty Cổ phần Ban Media	28.000.000.000	270.522.074.000	(294.061.250.000)	4.460.824.000
		Bà Vũ Thị Ngọc Trinh		8.460.824.000	(6.200.000.000)	2.260.824.000
		Công ty TNHH Vietnam Music Award		3.000.000.000	(1.000.000.000)	2.000.000.000
		Công ty Cổ phần Vital Investments Group		200.000.000	-	200.000.000
		Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	28.000.000.000	15.000.000.000	(43.000.000.000)	-
		Ông Phan Thái Huy		7.000.000.000	(7.000.000.000)	-
		Ông Nguyễn Văn Đài	-	103.005.000.000	(103.005.000.000)	-
		Ông Đinh Tấn Danh	-	75.000.000.000	(75.000.000.000)	-
		Các cá nhân khác		58.756.250.000	(58.756.250.000)	-
				100.000.000	(100.000.000)	-
		Vay bên liên quan	15.210.409.400	94.696.651.134	(44.491.141.217)	65.415.919.317
		Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	-	59.703.842.260	(5.100.000.000)	54.603.842.260
		Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	15.150.000.000	(9.200.000.000)	5.950.000.000
		Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	9.200.000.000	(6.900.000.000)	2.300.000.000
		Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	1.919.268.183	-	-	1.919.268.183
		Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	342.808.874	-	342.808.874
		Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng		600.000.000	(300.000.000)	300.000.000
		Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	5.500.000.000	(5.500.000.000)	-
		Công ty TNHH STVProduction	-	4.200.000.000	(4.200.000.000)	-
		Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	516.141.217	-	(516.141.217)	-
		Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	12.775.000.000	-	(12.775.000.000)	-
		TỔNG CỘNG	43.210.409.400	365.218.725.134	(338.552.391.217)	69.876.743.317

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

17 VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	50.000.000.000	(2.500.000.000)	47.500.000.000
	=			

18 VỐN CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	31.12.2023	31.12.2022
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	76.279.968	31.279.968
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	76.279.968	31.279.968
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	76.279.968	31.279.968

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2023		31.12.2022	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Bà Lê Phương Thảo	4.200.000	5,51	-	-
Ông Chế Đoàn Viên	3.700.000	4,85	-	-
Ông Đào Phúc Trí	3.500.000	4,59	344.296	1,10
Ancla Assets Ltd.	-	-	3.419.249	10,93
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	-	-	7.731.408	24,72
DFJ VinaCapital Venture Investment Ltd.	-	-	3.048.192	9,74
Cổ đông khác	64.879.968	85,06	16.736.823	53,51
TỔNG CỘNG	76.279.968	100,00	31.279.968	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2022	31.279.968	31.279.968	31.279.968
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	45.000.000	45.000.000	45.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	76.279.968	76.279.968	76.279.968

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	312.799.680.000	550.873.478.254	310.245.701.967	1.173.918.860.221
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	9.663.107.327	9.663.107.327
Thù lao Hội đồng Quản trị (*)	-	-	(2.242.202.700)	(2.242.202.700)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	312.799.680.000	550.873.478.254	317.666.606.594	1.181.339.764.848
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ (**)	450.000.000.000	-	-	450.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	56.854.563.701	56.854.563.701
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	762.799.680.000	550.873.478.254	374.521.170.295	1.688.194.328.549

(*) Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2022 số 156/2022/YEG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022, ĐHĐCĐ thông qua việc phê duyệt thù lao Hội đồng Quản trị với số tiền là 2.242.202.700 Đồng.

(**) Ngày 11 tháng 9 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ với tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là 450.000.000.000 đồng. Theo đó, tổng vốn điều lệ của Tập đoàn sau khi chào bán cổ phiếu riêng lẻ là 762.799.680.000 đồng, tương ứng với 76.279.968 tổng số cổ phiếu đã phát hành.

20 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Doanh thu thuần quảng cáo và bản quyền nội dung số	108.492.977.187	-
Doanh thu thuần tài trợ và quảng cáo trên kênh truyền hình	25.451.671.210	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và thương mại điện tử	44.484.115.820	42.893.398.706
TỔNG CỘNG	178.428.764.217	42.893.398.706

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Giá vốn quảng cáo và bản quyền nội dung số	8.630.153.248	-
Giá vốn tài trợ và quảng cáo trên kênh truyền hình	27.394.075.349	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ và thương mại điện tử	41.838.771.163	30.332.433.385
TỔNG CỘNG	77.862.999.760	30.332.433.385

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.139.069.269	11.019.332.573
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư	19.987.500.000	-
Cổ tức	12.129.854.440	16.999.811.111
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	194.969	-
Khác	-	238.287.000
TỔNG CỘNG	55.256.618.678	28.257.430.684

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Dự phòng đầu tư vào công ty con	59.232.819.121	5.728.293.839
Chi phí lãi vay	18.034.756.396	1.569.190.149
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	139.493	-
TỔNG CỘNG	77.267.715.010	7.297.483.988

24 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	41.158.206
Chi phí khác	-	11.111.111
TỔNG CỘNG	-	52.269.317

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.100.635.425	11.980.276.858
Chi phí nhân viên	12.776.066.625	1.352.921.942
Chi phí khấu hao TSCĐ	184.826.511	169.567.939
Khác	8.228.933	-
Dự phòng phải thu khó đòi	565.824.729	200.000.000
TỔNG CỘNG	21.635.582.223	13.702.766.739

26 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên sổ kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	56.854.563.701	9.663.107.327
Thuế tính ở thuế suất 20% (*)	11.370.912.740	1.932.621.465
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	12.904.440	2.703.171.116
Thu nhập không chịu thuế	(2.425.970.888)	(3.399.962.222)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(8.957.846.292)	(1.235.830.359)
Chi phí thuế TNDN (*)	-	-

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023	31.12.2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	37.825.874.777	27.058.438.838
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.913.827.033	16.380.017.458
Chi phí khấu hao TSCĐ	184.826.511	210.726.145
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	565.824.729	200.000.000
Khác	8.228.933	238.287.000
TỔNG CỘNG	99.498.581.983	44.087.469.441

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tập đoàn có giao dịch và số dư và giao dịch với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Công ty con
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Công ty con
Công ty TNHH 1Production	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Công ty con
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Công ty con
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Up	Công ty con
Công ty TNHH MTV Style TV	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH STV Production	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết của công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BigCat	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Đầu tư khác
Công ty TNHH Tera Group	Đầu tư khác của công ty con

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Trong kỳ, Tập đoàn có giao dịch và số dư và giao dịch với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Lê Phương Thảo Ông Đào Phúc Trí	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") Phó chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023) Tổng giám đốc (từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)
Ông Nguyễn Hoàng Giang Ông Đinh Hoài Nam Ông Trần Hoài Nam Ông Kim Min Soo	Phó chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)
Ông Yam Kong Fatt Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng giám đốc (từ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2023)
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2022)
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Nam Bà Lê Thị Bích Hằng Ông Vương Hồ Trí Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS") Thành viên BKS Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
i) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Tera Group	52.750.906.667	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	29.135.911.275	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	26.340.980.309	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	6.668.231.073	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	6.653.109.256	5.040.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Up	3.219.246.414	-
Công ty TNHH Big Cat	1.530.920.251	-
Công ty Cổ phần Tstudio	1.135.202.342	-
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	109.090.908	3.018.181.818
Công ty TNHH MTV Style TV	1.900.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	5.400.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	-	3.750.000.000
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	-	900.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Up	-	166.534.731
TỔNG CỘNG	127.545.498.495	18.274.716.549
ii) Mua dịch vụ		
Công ty TNHH STVProduction	38.765.432.100	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	2.315.617.971	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	21.388.889	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	13.292.299.621
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	54.992.041
TỔNG CỘNG	41.102.438.960	13.347.291.662

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
iii) Tạm ứng		
Ông Đào Phúc Trí	10.679.535.966	-
Bà Lê Phương Thảo	334.517.411	-
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	179.565.062	-
Ông Chế Đoàn Viên	37.000.000	-
TỔNG CỘNG	11.230.618.439	-
vi) Thu hồi tạm ứng		
Ông Đào Phúc Trí	10.682.113.462	4.114.141.440
Bà Lê Phương Thảo	334.520.421	-
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	179.565.062	-
Ông Chế Đoàn Viên	30.477.724	-
TỔNG CỘNG	11.226.676.669	4.114.141.440
v) Cho vay		
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	81.213.000.000	-
Công ty TNHH Tera Group	23.890.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	14.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	13.650.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	4.640.000.000	78.552.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	3.200.000.000	15.947.610.791
Công ty TNHH Big Cat	2.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	2.328.800.000	-
Công ty TNHH 1Production	1.735.000.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	1.450.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	1.320.090.853	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	1.250.000.000	83.412.228
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	900.000.000	1.581.679.598
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	110.000.000	-
Các công ty con khác	-	13.175.726.569
TỔNG CỘNG	152.986.890.853	109.340.429.186

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
vi) Thu hồi cho vay		
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	45.094.500.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	26.921.435.836	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	26.189.396.607	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	13.350.000.000	78.415.235.660
Công ty TNHH Yeah1 Up	8.484.000.000	-
Công ty TNHH Big Cat	2.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	2.328.800.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	1.967.991.758	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	460.000.000	174.429.472.644
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	430.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	390.090.851	4.378.170.196
Công ty TNHH Tera Group	160.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	110.000.000	-
Các công ty con khác	-	3.696.193.010
TỔNG CỘNG	128.686.215.052	260.919.071.510
vii) Lãi cho vay		
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	1.731.857.100	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	1.503.106.878	891.916.891
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	1.192.452.719	1.288.221.800
Công ty TNHH Tera Group	689.243.013	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	391.422.270	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	299.235.995	222.709.138
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	290.708.984	911.548.165
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	205.538.210	1.850.849.812
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	107.108.492	1.579.504.106
Công ty TNHH 1Production	59.709.040	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	46.603.398	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	38.901.230	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	34.330.560	-
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	28.165.982	26.353.827
Công ty TNHH Big Cat	1.610.959	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	1.338.768	-
TỔNG CỘNG	6.621.333.598	6.771.103.739

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
viii) Vay		
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	59.703.842.260	2.345.520.402
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	15.150.000.000	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	9.200.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	5.500.000.000	-
Công ty TNHH STVProduction	4.200.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	600.000.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	342.808.874	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	12.775.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	-	1.066.141.217
TỔNG CỘNG	94.696.651.134	25.686.661.619
ix) Trả gốc vay		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	9.200.000.000	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	6.900.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	5.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	5.100.000.000	2.780.807.102
Công ty TNHH STVProduction	4.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	2.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	516.141.217	550.000.000
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	300.000.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	34.216.141.217	11.330.807.102
x) Lãi vay		
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	3.449.066.943	16.488.587
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	227.391.781	11.200.000
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	153.541.456	77.401.720
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	84.628.767	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	31.543.150	175.726.027
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	13.705.730	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	7.364.383	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	5.228.754	40.539.176
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	4.660.274	-
Công ty TNHH STVProduction	3.078.082	-
	3.980.209.320	321.355.510

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

xi) Các khoản chi cho nhân sự quản lý chủ chốt

STT	Họ và tên	Chức danh	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
I	Thù lao thành viên HĐQT			
1	Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
3	Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
4	Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
5	Kim Min Soo	Thành viên HĐQT	-	-
	TỔNG CỘNG		<u>-</u>	<u>-</u>
II	Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác			
1	Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng giám đốc	-	-
2	Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám Đốc	1.063.307.700	-
3	Kim Min Soo	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
4	Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
5	Đào Phúc Trí	Tổng giám đốc (đã từ nhiệm)	2.549.007.000	2.653.384.900
6	Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám Đốc (đã từ nhiệm)	502.449.000	1.339.864.000
7	Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám Đốc (đã từ nhiệm)	123.981.550	495.926.200
8	Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám Đốc (đã từ nhiệm)	-	743.148.922
9	Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám Đốc (đã từ nhiệm)	-	2.009.796.000
10	Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám Đốc (đã từ nhiệm)	-	350.000.000
11	Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám Đốc (đã từ nhiệm)	-	350.000.000
	TỔNG CỘNG		<u>4.238.745.250</u>	<u>7.942.120.022</u>

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan**

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty TNHH Tera Group	52.456.952.000	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	22.360.890.688	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	6.467.782.550	6.515.782.550
Công ty TNHH Yeah1 Up	2.375.535.228	57.096.357
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	1.154.383.491	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	523.907.131	523.907.131
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	408.922.194	400.000.000
Công ty Cổ phần Tstudio	387.340.148	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	312.731.367	534.259.584
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	90.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	6.480.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	-	2.421.533.432
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	-	1.370.205.927
Công ty TNHH Big Cat	-	1.080.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	486.000.000
TỔNG CỘNG	86.538.444.797	20.268.784.981
ii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 6(a))		
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	36.118.500.000	-
Công ty TNHH Tera Group	23.730.000.000	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	15.663.836.000	20.663.836.000
Công ty TNHH Yeah1 Up	2.880.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	1.570.000.000	3.739.688.358
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	24.939.396.607
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	13.271.435.836
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	10.150.000.000
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	-	1.067.991.758
TỔNG CỘNG	79.962.336.000	73.832.348.559

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
iii) Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 6(b))		
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	4.180.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	3.136.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	1.739.688.358	-
Công ty TNHH 1Production	1.735.000.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	1.450.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	930.000.000	-
TỔNG CỘNG	18.170.688.358	-
iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))		
Công ty TNHH STVProduction	23.365.757.371	-
Ông Đào Phúc Trí	5.327.908.126	5.330.485.622
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	3.323.051.162	1.819.944.284
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	946.587.368	-
Công ty TNHH Tera Group	689.243.013	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	658.136.912	658.900.917
Công ty TNHH Yeah1 Up	264.884.189	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	255.163.761	17.310.978.718
Công ty TNHH 1Production	59.709.040	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	37.964.381	546.625.780
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	34.330.560	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	33.410.819	-
Ông Chế Đoàn Viên	6.522.276	-
Công ty TNHH Big Cat	1.610.959	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	215.753	317.582.927
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	1.288.221.800
TỔNG CỘNG	35.004.495.690	27.272.740.048
v) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Công ty TNHH STVProduction	41.866.666.668	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	19.395.000.000	-
Công ty TNHH Big Cat	2.270.759.876	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	5.060.000
TỔNG CỘNG	63.532.426.544	5.060.000

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
vi) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 13)		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	21.310.867.823	-
Công ty TNHH Big Cat	3.306.097.320	-
TỔNG CỘNG	24.616.965.143	-
vii) Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 15)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	2.014.531.800	1.787.140.019
viii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16)		
Công ty TNHH STVProduction	15.085.326.281	-
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	2.627.159.124	-
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	192.242.316	38.700.860
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	63.661.644	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	13.705.730	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	9.315.164	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	7.364.383	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	4.660.274	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	-	40.539.176
TỔNG CỘNG	18.003.434.916	79.240.036
ix) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 17)		
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	54.603.842.260	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	5.950.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	2.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	1.919.268.183	1.919.268.183
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	342.808.874	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	-	516.141.217
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	12.775.000.000
TỔNG CỘNG	65.415.919.317	15.210.409.400

29 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

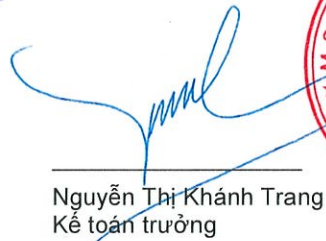
Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Tại ngày 10 tháng 01 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung 55.073.296 cổ phiếu sau khi tiến hành tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, qua đó nâng tổng số cổ phiếu đang lưu hành lên 131.353.264 cổ phiếu.

Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 30 tháng 01 năm 2024.



Lưu Anh Khoa
Người lập



Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng



Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 01 năm 2024